

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Tính đến ngày 23/9/2025)

STT	Mã TTHC	QĐ công bố	Mã DVC	Tên DVC	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Mức độ DVC
1	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH (150 DVC)								
1	1.014313	2978/QĐ-UBND	1.014313.01	Hỗ trợ kinh phí đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
2	1.014312.H56	2964/QĐ-UBND	1.014312.H56.01	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
3	1.014310.H56	2964/QĐ-UBND	1.014310.H56.01	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
4	1.014259.H56	2960/QĐ-UBND	1.014259.H56.01	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
5	1.014034.H56	2410/QĐ-UBND	1.014034.H56.01	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
6	1.014035.H56	2410/QĐ-UBND	1.014035.H56.01	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
7	3.000467.H56	2209/QĐ-UBND	3.000467.H56.01	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ sở giáo dục	Cấp Xã; Cơ quan khác	Toàn trình
8	1.013793.H56	2064/QĐ-UBND	1.013793.H56.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
9	1.013795.H56	2064/QĐ-UBND	1.013795.H56.01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
10	1.013791.H56	2064/QĐ-UBND	1.013791.H56.01	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
11	1.013794.H56	2064/QĐ-UBND	1.013794.H56.01	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
12	1.013792.H56	2064/QĐ-UBND	1.013792.H56.01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
13	1.013734.H56	2164/QĐ-UBND	1.013734.H56.01	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
14	1.013750.H56	2153/QĐ-UBND	1.013750.H56.01	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
15	2.001942.H56	2259/QĐ-UBND	2.001942.H56.01	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Y tế Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
16	1.013345	2849/QĐ-UBND	1.013345.01	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
17	1.013346	2849/QĐ-UBND	1.013346.01	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
18	1.000314.H56	2166/QĐ-UBND	1.000314.H56.01	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
19	3.000322.H56	2127/QĐ-UBND	3.000322.H56.01	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
20	3.000323.H56	2127/QĐ-UBND	3.000323.H56.01	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
21	2.002668.H56	2124/QĐ-UBND	2.002668.H56.01	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
22	1.012756.H56	2256/QĐ-UBND	1.012756.H56.01	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
23	2.002650.H56	2124/QĐ-UBND	2.002650.H56.01	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
24	2.002636.H56	2124/QĐ-UBND	2.002636.H56.01	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
25	3.000235	2777/QĐ-UBND	3.000235.01	Hỗ trợ gao cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
26	3.000182.000.00.00.H56	2240/QĐ-UBND	3.000182.000.00.00.H56.01	tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ sở giáo dục phổ thông; Phòng Giáo dục và Đào tạo	Cấp Xã	Toàn trình

27	3.000234	2777/QĐ-UBND	3.000234.01	Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
28	3.000232	2777/QĐ-UBND	3.000232.01	Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP.	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
29	1.011467	2777/QĐ-UBND	1.011467.01	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
30	1.011466	2777/QĐ-UBND	1.011466.01	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một huyện, thị xã, thành phố (liên kết cấp huyện) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
31	1.011468	2777/QĐ-UBND	1.011468.01	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
32	2.002516.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.002516.000.00.00.H56.01	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Tư pháp Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
33	2.002506	2335/QĐ-UBND	2.002506.01	Thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hóa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 (đối với các đối tượng mà thân nhân hoặc cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương quản lý).	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
34	1.010833.000.00.00.H56	2519/QĐ-UBND	1.010833.000.00.00.H56.01	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
35	1.010830.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010830.000.00.00.H56.01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Nội vụ Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
36	1.010829.000.00.00.H56	3061/QĐ-UBND	1.010829.000.00.00.H56.01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
37	1.010824.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010824.000.00.00.H56.01	Hướng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
38	1.010821.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010821.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
39	1.010820.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010820.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
40	1.010825.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010825.000.00.00.H56.01	Bổ sung tính hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
41	1.010819.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010819.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
42	1.010818.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010818.000.00.00.H56.01	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
43	1.010817.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010817.000.00.00.H56.01	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
44	1.010816.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010816.000.00.00.H56.01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
45	1.010814.000.00.00.H56	2519/QĐ-UBND	1.010814.000.00.00.H56.01	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
46	1.010811.000.00.00.H56	3061/QĐ-UBND	1.010811.000.00.00.H56.01	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
47	1.010802.000.00.00.H56	2519/QĐ-UBND	1.010802.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Nội vụ Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
48	1.010804.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010804.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tăng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
49	1.010803.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010803.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
50	2.002482.000.00.00.H56	2280/QĐ-UBND	2.002482.000.00.00.H56.01	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
51	2.002481.000.00.00.H56	2240/QĐ-UBND	2.002481.000.00.00.H56.01	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
52	1.010854	2777/QĐ-UBND	1.010854.01	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình

53	1.010852	2777/QĐ-UBND	1.010852.01	Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
54	1.010851	2777/QĐ-UBND	1.010851.01	Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
55	1.010849	2777/QĐ-UBND	1.010849.01	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
56	1.010848	2777/QĐ-UBND	1.010848.01	Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
57	1.010855	2777/QĐ-UBND	1.010855.01	Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
58	1.010091.000.00.00.H56	2223/QĐ-UBND	1.010091.000.00.00.H56.01	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
59	1.010092.000.00.00.H56	2223/QĐ-UBND	1.010092.000.00.00.H56.01	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
60	1.009453.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	1.009453.000.00.00.H56.01	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
61	1.009452.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	1.009452.000.00.00.H56.01	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
62	1.009465.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	1.009465.000.00.00.H56.01	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
63	1.009455.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	1.009455.000.00.00.H56.01	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
64	1.009454.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	1.009454.000.00.00.H56.01	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
65	1.009444.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	1.009444.000.00.00.H56.01	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
66	2.002363.000.00.00.H56	2170/QĐ-UBND	2.002363.000.00.00.H56.01	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
67	2.002349.000.00.00.H56	2170/QĐ-UBND	2.002349.000.00.00.H56.01	Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
68	1.002407.000.00.00.H56	2280/QĐ-UBND	1.002407.000.00.00.H56.01	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ sở giáo dục; Sở Nội vụ Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
69	1.008950.000.00.00.H56	2280/QĐ-UBND	1.008950.000.00.00.H56.01	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ sở giáo dục mầm non công lập, ngoài công lập	Cấp Xã	Toàn trình
70	1.008951.000.00.00.H56	2280/QĐ-UBND	1.008951.000.00.00.H56.01	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
71	2.002308.000.00.00.H56	2519/QĐ-UBND	2.002308.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
72	1.008004.000.00.00.H56	1830/QĐ-UBND	1.008004.000.00.00.H56.01	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
73	1.001257.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.001257.000.00.00.H56.01	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
74	1.005090.000.00.00.H56	2240/QĐ-UBND	1.005090.000.00.00.H56.01	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
75	1.001714.000.00.00.H56	2240/QĐ-UBND	1.001714.000.00.00.H56.01	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
76	2.001947.000.00.00.H56	2259/QĐ-UBND	2.001947.000.00.00.H56.01	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Công an Xã; Công an Tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Y tế Thanh Hóa	Cấp Xã	Toàn trình
77	1.004946.000.00.00.H56	2259/QĐ-UBND	1.004946.000.00.00.H56.01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Công an Xã; Ủy ban nhân dân cấp xã; Công an tỉnh; Sở Y tế Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
78	2.001944.000.00.00.H56	2259/QĐ-UBND	2.001944.000.00.00.H56.01	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
79	1.004941.000.00.00.H56	2259/QĐ-UBND	1.004941.000.00.00.H56.01	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
80	1.001662.000.00.00.H56	2155/QĐ-UBND	1.001662.000.00.00.H56.01	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
81	2.001255.000.00.00.H56	2170/QĐ-UBND	2.001255.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình

82	1.005461.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.005461.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
83	1.004772.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.004772.000.00.00.H56.01	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
84	1.004884.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.004884.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
85	1.004873.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.004873.000.00.00.H56.01	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
86	1.004859.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.004859.000.00.00.H56.01	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
87	1.004845.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.004845.000.00.00.H56.01	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
88	1.004837.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.004837.000.00.00.H56.01	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
89	2.000756.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000756.000.00.00.H56.01	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
90	1.001669.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.001669.000.00.00.H56.01	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
91	1.004827.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.004827.000.00.00.H56.01	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
92	1.000080.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000080.000.00.00.H56.01	đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
93	1.000110.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000110.000.00.00.H56.01	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
94	1.000656.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000656.000.00.00.H56.01	Đăng ký khai tử	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
95	1.001022.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.001022.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
96	1.001193.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.001193.000.00.00.H56.01	Thủ tục Đăng ký khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
97	2.000635.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000635.000.00.00.H56.01	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Tư pháp Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
98	2.000497.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000497.000.00.00.H56.01	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
99	1.000893.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000893.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
100	2.000522.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000522.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
101	2.000547.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000547.000.00.00.H56.01	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
102	2.000554.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000554.000.00.00.H56.01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
103	2.002189.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.002189.000.00.00.H56.01	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
104	2.000748.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000748.000.00.00.H56.01	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
105	2.001921.000.00.00.H56	2166/QĐ-UBND	2.001921.000.00.00.H56.01	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
106	2.001240.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.001240.000.00.00.H56.01	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
107	2.000615.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.000615.000.00.00.H56.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
108	2.000620.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.000620.000.00.00.H56.01	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
109	1.001279.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	1.001279.000.00.00.H56.01	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
110	2.000629.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.000629.000.00.00.H56.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
111	1.004944.000.00.00.H56	2259/QĐ-UBND	1.004944.000.00.00.H56.01	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Y tế Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
112	2.000150.000.00.00.H56	2255/QĐ-UBND	2.000150.000.00.00.H56.01	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
113	2.000162.000.00.00.H56	2255/QĐ-UBND	2.000162.000.00.00.H56.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
114	2.000181.000.00.00.H56	2255/QĐ-UBND	2.000181.000.00.00.H56.01	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
115	2.000779.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000779.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
116	1.001766.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.001766.000.00.00.H56.01	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
117	2.000528.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000528.000.00.00.H56.01	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
118	1.004964.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.004964.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình

119	1.003658.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	1.003658.000.00.00.H56.01	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
120	2.002080.000.00.00.H56	3858/QĐ-UBND	2.002080.000.00.00.H56.01	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
121	2.000930.000.00.00.H56	3858/QĐ-UBND	2.000930.000.00.00.H56.01	Thủ tục thời làm hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
122	2.000424.000.00.00.H56	2138/QĐ-UBND	2.000424.000.00.00.H56.01	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
123	1.003586.000.00.00.H56	2479/QĐ-UBND	1.003586.000.00.00.H56.01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
124	1.003596.000.00.00.H56	1831/QĐ-UBND	1.003596.000.00.00.H56.01	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
125	1.001622.000.00.00.H56	2280/QĐ-UBND	1.001622.000.00.00.H56.01	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ sở giáo dục	Cấp Xã	Toàn trình
126	1.003702.000.00.00.H56	1174/QĐ-UBND	1.003702.000.00.00.H56.01	Hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ sở giáo dục phổ thông; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập; Cơ sở giáo dục mầm non công lập, ngoài công lập; Phòng Giáo dục và Đào tạo	Cấp Xã	Toàn trình
127	1.005099.000.00.00.H56	2280/QĐ-UBND	1.005099.000.00.00.H56.01	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ sở giáo dục phổ thông	Cấp Xã	Toàn trình
128	1.004344.000.00.00.H56	2479/QĐ-UBND	1.004344.000.00.00.H56.01	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
129	1.005108.000.00.00.H56	3352/QĐ-UBND	1.005108.000.00.00.H56.01	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Cấp Xã	Toàn trình
130	2.001904.000.00.00.H56	3352/QĐ-UBND	2.001904.000.00.00.H56.01	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ sở giáo dục phổ thông; Phòng Giáo dục và Đào tạo	Cấp Xã	Toàn trình
131	1.001731.000.00.00.H56	2227/QĐ-UBND	1.001731.000.00.00.H56.01	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
132	2.001157.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	2.001157.000.00.00.H56.01	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Toàn trình
133	2.001958.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	2.001958.000.00.00.H56.01	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
134	1.004979.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	1.004979.000.00.00.H56.01	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
135	1.001266.000.00.00.H56	2410/QĐ-UBND	1.001266.000.00.00.H56.01	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Toàn trình
136	2.000575.000.00.00.H56	2410/QĐ-UBND	2.000575.000.00.00.H56.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Toàn trình
137	1.001570.000.00.00.H56	2410/QĐ-UBND	1.001570.000.00.00.H56.01	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Toàn trình
138	2.000720.000.00.00.H56	2410/QĐ-UBND	2.000720.000.00.00.H56.01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Toàn trình
139	1.001612.000.00.00.H56	2410/QĐ-UBND	1.001612.000.00.00.H56.01	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Toàn trình
140	1.004901.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	1.004901.000.00.00.H56.01	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
141	1.005010.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	1.005010.000.00.00.H56.01	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
142	1.005377.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	1.005377.000.00.00.H56.01	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
143	1.005378.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	1.005378.000.00.00.H56.01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
144	1.004982.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	1.004982.000.00.00.H56.01	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
145	2.001973.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	2.001973.000.00.00.H56.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
146	1.005277.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	1.005277.000.00.00.H56.01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
147	2.002123.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	2.002123.000.00.00.H56.01	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình

148	1.005280.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	1.005280.000.00.00.H56.01	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Toàn trình
149	2.001217.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	2.001217.000.00.00.H56.01	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
150	2.001218.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	2.001218.000.00.00.H56.01	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Toàn trình
II DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHÂN (258 DVC)									
151	1.014275.H56	3006/QĐ-UBND	1.014275.H56.01	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch UBND cấp xã; Cơ quan quản lý đất đai cấp xã	Cấp Xã	Một phần
152	1.014284.H56	3006/QĐ-UBND	1.014284.H56.01	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch UBND cấp xã; Cơ quan quản lý đất đai cấp xã	Cấp Xã	Một phần
153	1.014258.H56	2960/QĐ-UBND	1.014258.H56.01	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
154	1.013128.H56	2844/QĐ-UBND	1.013128.H56.01	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
155	1.001029.H56	2798/QĐ-UBND	1.001029.H56.01	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
156	1.000963.H56	2798/QĐ-UBND	1.000963.H56.01	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
157	1.014157.H56	2745/QĐ-UBND	1.014157.H56.01	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
158	1.014155.H56	2745/QĐ-UBND	1.014155.H56.01	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
159	1.014156.H56	2745/QĐ-UBND	1.014156.H56.01	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
160	1.014159.H56	2745/QĐ-UBND	1.014159.H56.01	Cung cấp thông tin về hồ sơ cắm mốc, thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
161	1.013173.H56	2746/QĐ-UBND	1.013173.H56.01	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp "Giấy chứng nhận" đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Một phần
162	1.014150.H56	2706/QĐ-UBND	1.014150.H56.01	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Một phần
163	1.014149.H56	2706/QĐ-UBND	1.014149.H56.01	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Một phần
164	3.000494.H56	2587/QĐ-UBND	3.000494.H56.01	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
165	3.000509.H56	2587/QĐ-UBND	3.000509.H56.01	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
166	3.000510.H56	2587/QĐ-UBND	3.000510.H56.01	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần

167	1.014113.H56	2514/QĐ-UBND	1.014113.H56.01	Xét tuyển công chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Dân tộc và Tôn giáo Thanh Hóa; Sở Công Thương Thanh Hóa; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa; Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa; Sở Nội vụ Thanh Hóa; Sở Ngoại vụ Thanh Hóa; Sở Tài chính Thanh Hóa; Sở Tư pháp Thanh Hóa; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Sở Y tế Thanh Hóa; Thanh Tra tỉnh Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
168	1.014116.H56	2514/QĐ-UBND	1.014116.H56.01	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Dân tộc và Tôn giáo Thanh Hóa; Sở Công Thương Thanh Hóa; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa; Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa; Sở Nội vụ Thanh Hóa; Sở Ngoại vụ Thanh Hóa; Sở Tài chính Thanh Hóa; Sở Tư pháp Thanh Hóa; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Sở Y tế Thanh Hóa; Thanh Tra tỉnh Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
169	1.014111.H56	2514/QĐ-UBND	1.014111.H56.01	Thi tuyển công chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Dân tộc và Tôn giáo Thanh Hóa; Sở Công Thương Thanh Hóa; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa; Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa; Sở Nội vụ Thanh Hóa; Sở Ngoại vụ Thanh Hóa; Sở Tài chính Thanh Hóa; Sở Tư pháp Thanh Hóa; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Sở Y tế Thanh Hóa; Thanh Tra tỉnh Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
170	3.000502.H56	2478/QĐ-UBND	3.000502.H56.01	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
171	1.014027.H56	2405/QĐ-UBND	1.014027.H56.01	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp lưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
172	1.014028.H56	2405/QĐ-UBND	1.014028.H56.01	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp lưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
173	2.002096.H56	2255/QĐ-UBND	2.002096.H56.01	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
174	1.013855.H56	3100/QĐ-UBND	1.013855.H56.01	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Y tế Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
175	3.000443.H56	2254/QĐ-UBND	3.000443.H56.01	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
176	3.000442.H56	2254/QĐ-UBND	3.000442.H56.01	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
177	3.000439.H56	2254/QĐ-UBND	3.000439.H56.01	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
178	3.000440.H56	2254/QĐ-UBND	3.000440.H56.01	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
179	3.000441.H56	2254/QĐ-UBND	3.000441.H56.01	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần

180	1.013796.H56	2237/QĐ-UBND	1.013796.H56.01	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã.	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
181	1.013797.H56	2237/QĐ-UBND	1.013797.H56.01	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm họp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
182	1.013798.H56	2237/QĐ-UBND	1.013798.H56.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỌP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	Tin ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
183	1.013978.H56	3006/QĐ-UBND	1.013978.H56.01	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, công đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
184	1.013952.H56	3006/QĐ-UBND	1.013952.H56.01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
185	1.013950.H56	3006/QĐ-UBND	1.013950.H56.01	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
186	1.013949.H56	3006/QĐ-UBND	1.013949.H56.01	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
187	1.013967.H56	2256/QĐ-UBND	1.013967.H56.01	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
188	1.013953.H56	3006/QĐ-UBND	1.013953.H56.01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
189	1.013965.H56	3006/QĐ-UBND	1.013965.H56.01	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
190	1.013979.H56	2256/QĐ-UBND	1.013979.H56.01	Tăng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thừa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
191	1.013962.H56	3006/QĐ-UBND	1.013962.H56.01	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
192	3.000468.H56	2209/QĐ-UBND	3.000468.H56.01	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ sở giáo dục	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
193	1.013997.H56	2223/QĐ-UBND	1.013997.H56.01	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
194	1.013768.H56	2188/QĐ-UBND	1.013768.H56.01	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần

195	1.013749.H56	2153/QĐ-UBND	1.013749.H56.01	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
196	1.013716.H56	2063/QĐ-UBND	1.013716.H56.01	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
197	1.013714.H56	2063/QĐ-UBND	1.013714.H56.01	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
198	1.013709.H56	2063/QĐ-UBND	1.013709.H56.01	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
199	1.013708.H56	2063/QĐ-UBND	1.013708.H56.01	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
200	1.013704.H56	2063/QĐ-UBND	1.013704.H56.01	Bảo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
201	1.013702.H56	2063/QĐ-UBND	1.013702.H56.01	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
202	1.013713.H56	2063/QĐ-UBND	1.013713.H56.01	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
203	1.013707.H56	2063/QĐ-UBND	1.013707.H56.01	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
204	1.013706.H56	2063/QĐ-UBND	1.013706.H56.01	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
205	1.013712.H56	2063/QĐ-UBND	1.013712.H56.01	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ.	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
206	1.013711.H56	2063/QĐ-UBND	1.013711.H56.01	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
207	1.013710.H56	2063/QĐ-UBND	1.013710.H56.01	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Hội chữ thập đỏ	Cấp Xã	Một phần
208	1.013717.H56	2063/QĐ-UBND	1.013717.H56.01	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
209	1.013715.H56	2063/QĐ-UBND	1.013715.H56.01	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
210	1.013703.H56	2063/QĐ-UBND	1.013703.H56.01	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
211	3.000412.H56	1630/QĐ-UBND	3.000412.H56.01	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
212	3.000410.H56	2159/QĐ-UBND	3.000410.H56.01	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Tài chính Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
213	1.013314.H56	502/QĐ-UBND	1.013314.H56.01	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
214	1.013313.H56	502/QĐ-UBND	1.013313.H56.01	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
215	1.013274.H56	2166/QĐ-UBND	1.013274.H56.01	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
216	3.000325.H56	461/QĐ-UBND	3.000325.H56.01	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Tài chính Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
217	3.000326.H56	2159/QĐ-UBND	3.000326.H56.01	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
218	3.000327.H56	2159/QĐ-UBND	3.000327.H56.01	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
219	1.013227.H56	2208/QĐ-UBND	1.013227.H56.01	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
220	1.013228.H56	2208/QĐ-UBND	1.013228.H56.01	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Cấp Xã	Một phần
221	1.013229.H56	2208/QĐ-UBND	1.013229.H56.01	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	Cấp Xã	Một phần

222	1.013225.H56	2208/QĐ-UBND	1.013225.H56.01	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	Cấp Xã	Một phần
223	1.013232.H56	2208/QĐ-UBND	1.013232.H56.01	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	Cấp Xã	Một phần
224	1.013226.H56	2208/QĐ-UBND	1.013226.H56.01	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	Cấp Xã	Một phần
225	1.013061.H56	2230/QĐ-UBND	1.013061.H56.01	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
226	1.013040.H56	2167/QĐ-UBND	1.013040.H56.01	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
227	1.012975.H56	2252/QĐ-UBND	1.012975.H56.01	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
228	1.012974.H56	2252/QĐ-UBND	1.012974.H56.01	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
229	1.012973.H56	2252/QĐ-UBND	1.012973.H56.01	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
230	1.012972.H56	2252/QĐ-UBND	1.012972.H56.01	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
231	1.012971.H56	2252/QĐ-UBND	1.012971.H56.01	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
232	1.012967.H56	2252/QĐ-UBND	1.012967.H56.01	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
233	1.012964.H56	2252/QĐ-UBND	1.012964.H56.01	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
234	1.012962.H56	2252/QĐ-UBND	1.012962.H56.01	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
235	1.012961.H56	2252/QĐ-UBND	1.012961.H56.01	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
236	1.012970.H56	2252/QĐ-UBND	1.012970.H56.01	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
237	3.000308.H56	2252/QĐ-UBND	3.000308.H56.01	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
238	1.012963.H56	2252/QĐ-UBND	1.012963.H56.01	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
239	3.000309.H56	2252/QĐ-UBND	3.000309.H56.01	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
240	1.012969.H56	2252/QĐ-UBND	1.012969.H56.01	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
241	3.000307.H56	2252/QĐ-UBND	3.000307.H56.01	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
242	1.012996.H56	4647/QĐ-UBND	1.012996.H56.01	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
243	1.012995.H56	4647/QĐ-UBND	1.012995.H56.01	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
244	1.012994.H56	2159/QĐ-UBND	1.012994.H56.01	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
245	1.012922.H56	2385/QĐ-UBND	1.012922.H56.01	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
246	1.012921.H56	2631/QĐ-UBND	1.012921.H56.01	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
247	1.012888.H56	2203/QĐ-UBND	1.012888.H56.01	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần

248	1.012837.H56	2242/QĐ-UBND	1.012837.H56.01	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
249	1.012836.H56	2242/QĐ-UBND	1.012836.H56.01	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
250	1.012812.H56	2256/QĐ-UBND	1.012812.H56.01	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
251	1.012818.H56	1351/QĐ-UBND	1.012818.H56.01	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
252	1.012796.H56	2256/QĐ-UBND	1.012796.H56.01	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
253	1.012817.H56	2256/QĐ-UBND	1.012817.H56.01	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
254	1.012791.H56	2256/QĐ-UBND	1.012791.H56.01	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
255	1.012753.H56	3006/QĐ-UBND	1.012753.H56.01	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
256	2.002635.H56	2124/QĐ-UBND	2.002635.H56.01	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Một phần
257	2.002639.H56	2124/QĐ-UBND	2.002639.H56.01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
258	2.002637.H56	2124/QĐ-UBND	2.002637.H56.01	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
259	2.002645.H56	2124/QĐ-UBND	2.002645.H56.01	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
260	2.002644.H56	2124/QĐ-UBND	2.002644.H56.01	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
261	2.002643.H56	2124/QĐ-UBND	2.002643.H56.01	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
262	2.002641.H56	2124/QĐ-UBND	2.002641.H56.01	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
263	2.002646.H56	2124/QĐ-UBND	2.002646.H56.01	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
264	2.002649.H56	2124/QĐ-UBND	2.002649.H56.01	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
265	2.002640.H56	2124/QĐ-UBND	2.002640.H56.01	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
266	2.002648.H56	2124/QĐ-UBND	2.002648.H56.01	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
267	2.002642.H56	2124/QĐ-UBND	2.002642.H56.01	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
268	2.002638.H56	2124/QĐ-UBND	2.002638.H56.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
269	1.012694.H56	2229/QĐ-UBND	1.012694.H56.01	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần

270	1.012584.H56	1081/QĐ-UBND	1.012584.H56.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
271	1.012582.H56	1081/QĐ-UBND	1.012582.H56.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
272	1.012585.H56	2237/QĐ-UBND	1.012585.H56.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
273	1.012590.H56	2237/QĐ-UBND	1.012590.H56.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
274	1.012592.H56	1081/QĐ-UBND	1.012592.H56.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
275	1.012591.H56	1081/QĐ-UBND	1.012591.H56.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
276	1.012569.H56	2123/QĐ-UBND	1.012569.H56.01	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Công Thương Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
277	1.012568.H56	2123/QĐ-UBND	1.012568.H56.01	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
278	1.012531.H56	2385/QĐ-UBND	1.012531.H56.01	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
279	2.002620.H56	3347/QĐ-UBND	2.002620.H56.01	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
280	1.012427.H56	2123/QĐ-UBND	1.012427.H56.01	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm Công nghiệp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
281	1.012300.H56	1146/QĐ-UBND	1.012300.H56.01	Thủ tục xét tuyển viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; Ban QL KKT Nghi som và các Khu công nghiệp; Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
282	1.012301.H56	1146/QĐ-UBND	1.012301.H56.01	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; Ban QL KKT Nghi som và các Khu công nghiệp; Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
283	1.012299.H56	1146/QĐ-UBND	1.012299.H56.01	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/ND-CP)	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; Ban QL KKT Nghi som và các Khu công nghiệp; Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
284	3.000250.H56	2229/QĐ-UBND	3.000250.H56.01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
285	1.012223.H56	2237/QĐ-UBND	1.012223.H56.01	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
286	1.012222.H56	2237/QĐ-UBND	1.012222.H56.01	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
287	1.012085.H56	5059/QĐ-UBND	1.012085.H56.01	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
288	1.012084.H56	5059/QĐ-UBND	1.012084.H56.01	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
289	1.011608.000.00.00.H56	1630/QĐ-UBND	1.011608.000.00.00.H56.01	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
290	1.011607.000.00.00.H56	1630/QĐ-UBND	1.011607.000.00.00.H56.01	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
291	1.011606.000.00.00.H56	2250/QĐ-UBND	1.011606.000.00.00.H56.01	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
292	1.011609.000.00.00.H56	1630/QĐ-UBND	1.011609.000.00.00.H56.01	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và điểm nghiệp có mức sống trung bình	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
293	1.011471.000.00.00.H56	2414/QĐ-UBND	1.011471.000.00.00.H56.01	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
294	2.001827.000.00.00.H56	3130/QĐ-UBND	2.001827.000.00.00.H56.01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
295	1.010736.000.00.00.H56	1832/QĐ-UBND	1.010736.000.00.00.H56.01	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
296	1.010941.000.00.00.H56	2168/QĐ-UBND	1.010941.000.00.00.H56.01	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần

297	1.010938.000.00.00.H56	2168/QĐ-UBND	1.010938.000.00.00.H56.01	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
298	1.010939.000.00.00.H56	2168/QĐ-UBND	1.010939.000.00.00.H56.01	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
299	1.010783.000.00.00.H56	1878/QĐ-UBND	1.010783.000.00.00.H56.01	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
300	1.010781.000.00.00.H56	1878/QĐ-UBND	1.010781.000.00.00.H56.01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
301	1.010774.000.00.00.H56	3061/QĐ-UBND	1.010774.000.00.00.H56.01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
302	1.010778.000.00.00.H56	1878/QĐ-UBND	1.010778.000.00.00.H56.01	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
303	1.010777.000.00.00.H56	1878/QĐ-UBND	1.010777.000.00.00.H56.01	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
304	1.010775.000.00.00.H56	1878/QĐ-UBND	1.010775.000.00.00.H56.01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Nội vụ Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
305	1.010815.000.00.00.H56	2519/QĐ-UBND	1.010815.000.00.00.H56.01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
306	1.010812.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010812.000.00.00.H56.01	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
307	1.010810.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010810.000.00.00.H56.01	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
308	1.010806.000.00.00.H56	2519/QĐ-UBND	1.010806.000.00.00.H56.01	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
309	1.010805.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	1.010805.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
310	1.010772.000.00.00.H56	1878/QĐ-UBND	1.010772.000.00.00.H56.01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
311	1.009794.000.00.00.H56	2163/QĐ-UBND	1.009794.000.00.00.H56.01	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Công Thương Thanh Hóa; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Ban QL KKT Nghi son và các Khu công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
312	1.009447.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	1.009447.000.00.00.H56.01	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
313	1.008725.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	1.008725.000.00.00.H56.01	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
314	1.008724.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	1.008724.000.00.00.H56.01	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
315	1.008603.000.00.00.H56	2167/QĐ-UBND	1.008603.000.00.00.H56.01	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
316	2.002307.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	2.002307.000.00.00.H56.01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
317	2.001211.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	2.001211.000.00.00.H56.01	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
318	2.001215.000.00.00.H56	1383/QĐ-UBND	2.001215.000.00.00.H56.01	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp Huyện	Cấp Xã	Một phần
319	2.001214.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	2.001214.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
320	2.001212.000.00.00.H56	2071/QĐ-UBND	2.001212.000.00.00.H56.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
321	1.007919.000.00.00.H56	2229/QĐ-UBND	1.007919.000.00.00.H56.01	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
322	2.002226.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	2.002226.000.00.00.H56.01	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
323	2.002228.000.00.00.H56	2124/QĐ-UBND	2.002228.000.00.00.H56.01	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
324	1.004082.000.00.00.H56	1239/QĐ-UBND	1.004082.000.00.00.H56.01	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần

325	2.001088.000.00.00.H56	1007/QĐ-UBND	2.001088.000.00.00.H56.01	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
326	2.000794.000.00.00.H56	592/QĐ-UBND	2.000794.000.00.00.H56.01	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
327	1.000280.000.00.00.H56	2209/QĐ-UBND	1.000280.000.00.00.H56.01	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
328	1.000288.000.00.00.H56	2209/QĐ-UBND	1.000288.000.00.00.H56.01	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
329	1.000713.000.00.00.H56	2209/QĐ-UBND	1.000713.000.00.00.H56.01	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
330	1.000691.000.00.00.H56	2209/QĐ-UBND	1.000691.000.00.00.H56.01	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
331	1.000711.000.00.00.H56	2209/QĐ-UBND	1.000711.000.00.00.H56.01	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
332	1.000715.000.00.00.H56	2209/QĐ-UBND	1.000715.000.00.00.H56.01	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
333	2.000282.000.00.00.H56	2227/QĐ-UBND	2.000282.000.00.00.H56.01	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ sở trợ giúp xã hội; Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
334	1.006445.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	1.006445.000.00.00.H56.01	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
335	1.006390.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	1.006390.000.00.00.H56.01	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
336	1.006444.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	1.006444.000.00.00.H56.01	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
337	1.005412.000.00.00.H56	2402/QĐ-UBND	1.005412.000.00.00.H56.01	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
338	1.003622.000.00.00.H56	592/QĐ-UBND	1.003622.000.00.00.H56.01	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
339	2.001263.000.00.00.H56	2170/QĐ-UBND	2.001263.000.00.00.H56.01	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
340	1.003005.000.00.00.H56	2170/QĐ-UBND	1.003005.000.00.00.H56.01	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
341	2.001035.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.001035.000.00.00.H56.01	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
342	2.001009.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.001009.000.00.00.H56.01	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
343	2.001406.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.001406.000.00.00.H56.01	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
344	2.001016.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.001016.000.00.00.H56.01	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
345	2.001019.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.001019.000.00.00.H56.01	Chứng thực di chúc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
346	1.004746.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.004746.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
347	1.000094.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000094.000.00.00.H56.01	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
348	1.000419.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000419.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
349	1.000593.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000593.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
350	1.003583.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.003583.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
351	1.000689.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000689.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
352	1.000894.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.000894.000.00.00.H56.01	Đăng ký kết hôn	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
353	2.000513.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000513.000.00.00.H56.01	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
354	1.006391.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	1.006391.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
355	2.000633.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.000633.000.00.00.H56.01	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
356	2.001261.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.001261.000.00.00.H56.01	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
357	2.001270.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.001270.000.00.00.H56.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
358	2.001283.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.001283.000.00.00.H56.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
359	2.001960.000.00.00.H56	2236/QĐ-UBND	2.001960.000.00.00.H56.01	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
360	2.001008.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.001008.000.00.00.H56.01	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
361	2.000942.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.000942.000.00.00.H56.01	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
362	2.000927.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.000927.000.00.00.H56.01	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần

363	2.000913.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.000913.000.00.00.H56.01	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
364	2.000884.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.000884.000.00.00.H56.01	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Tổ chức hành nghề công chứng; Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
365	2.000815.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.000815.000.00.00.H56.01	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Tổ chức hành nghề công chứng; Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
366	2.000908.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND	2.000908.000.00.00.H56.01	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục đào tạo; Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc; Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Dân tộc và Tôn giáo Thanh Hóa; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Sở Nội vụ Thanh Hóa; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa; Sở Tài chính Thanh Hóa; Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa; Sở Tư pháp Thanh Hóa; Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa; Sở Xây dựng Thanh Hóa; Sở Y tế Thanh Hóa; Sở khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Công thương	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
367	1.001695.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	1.001695.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
368	2.000806.000.00.00.H56	2127/QĐ-UBND	2.000806.000.00.00.H56.01	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
369	2.000206.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.000206.000.00.00.H56.01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.	Cấp Xã	Một phần
370	2.001384.000.00.00.H56	2123/QĐ-UBND	2.001384.000.00.00.H56.01	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
371	1.005040.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	1.005040.000.00.00.H56.01	Thủ tục xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
372	2.001659.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	2.001659.000.00.00.H56.01	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
373	1.003930.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	1.003930.000.00.00.H56.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
374	1.003970.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	1.003970.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
375	1.004002.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	1.004002.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
376	2.001711.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	2.001711.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
377	1.004036.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	1.004036.000.00.00.H56.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
378	1.004047.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	1.004047.000.00.00.H56.01	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
379	1.004088.000.00.00.H56	2205/QĐ-UBND	1.004088.000.00.00.H56.01	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
380	1.001639.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	1.001639.000.00.00.H56.01	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
381	1.004563.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	1.004563.000.00.00.H56.01	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
382	1.004552.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	1.004552.000.00.00.H56.01	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
383	1.003634.000.00.00.H56	2479/QĐ-UBND	1.003634.000.00.00.H56.01	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
384	1.003650.000.00.00.H56	2479/QĐ-UBND	1.003650.000.00.00.H56.01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
385	1.003681.000.00.00.H56	2479/QĐ-UBND	1.003681.000.00.00.H56.01	Xóa đăng ký tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
386	2.001842.000.00.00.H56	2252/QĐ-UBND	2.001842.000.00.00.H56.01	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
387	1.001653.000.00.00.H56	1032/QĐ-UBND	1.001653.000.00.00.H56.01	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.	Cấp Xã	Một phần

388	1.001699.000.00.00.H56	1032/QĐ-UBND	1.001699.000.00.00.H56.01	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
389	1.004498.000.00.00.H56	2253/QĐ-UBND	1.004498.000.00.00.H56.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
390	1.003956.000.00.00.H56	2253/QĐ-UBND	1.003956.000.00.00.H56.01	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
391	1.004478.000.00.00.H56	2253/QĐ-UBND	1.004478.000.00.00.H56.01	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
392	2.000355.000.00.00.H56	2227/QĐ-UBND	2.000355.000.00.00.H56.01	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
393	1.001776.000.00.00.H56	2227/QĐ-UBND	1.001776.000.00.00.H56.01	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
394	2.002165.000.00.00.H56	2122/QĐ-UBND	2.002165.000.00.00.H56.01	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
395	2.001396.000.00.00.H56	2153/QĐ-UBND	2.001396.000.00.00.H56.01	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
396	2.001661.000.00.00.H56	2352/QĐ-UBND	2.001661.000.00.00.H56.01	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Một phần
397	2.001621.000.00.00.H56	1434/QĐ-UBND	2.001621.000.00.00.H56.01	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
398	2.001627.000.00.00.H56	2188/QĐ-UBND	2.001627.000.00.00.H56.01	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
399	1.003434.000.00.00.H56	2158/QĐ-UBND	1.003434.000.00.00.H56.01	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
400	1.003440.000.00.00.H56	1434/QĐ-UBND	1.003440.000.00.00.H56.01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
401	1.003446.000.00.00.H56	1434/QĐ-UBND	1.003446.000.00.00.H56.01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
402	1.003471.000.00.00.H56	2188/QĐ-UBND	1.003471.000.00.00.H56.01	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
403	1.003347.000.00.00.H56	2188/QĐ-UBND	1.003347.000.00.00.H56.01	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
404	1.007069	5012/QĐ-UBND	1.007069.01	Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
405	1.007067	5012/QĐ-UBND	1.007067.01	Thủ tục công nhận Danh hiệu Gia đình kiểu mẫu	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
406	1.007066	5012/QĐ-UBND	1.007066.01	Thủ tục công nhận Danh hiệu Tổ dân phố kiểu mẫu	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
407	1.006545	3586/QĐ-UBND	1.006545.01	Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách thời đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố mới	Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
408	1.005739	2362/QĐ-UBND	1.005739.01	Thủ tục hành chính liên thông trong cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đối với công trình có tổng công suất trạm biến áp nhỏ hơn hoặc bằng 2.000 kVA.	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Một phần
III DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN (25 TTCH)									
409	1.014193.H56	2794/QĐ-UBND		Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
410	1.014158.H56	2745/QĐ-UBND		Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh, Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
411	1.012968.H56	2252/QĐ-UBND		Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
412	1.012966.H56	2252/QĐ-UBND		Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
413	1.012965.H56	2252/QĐ-UBND		Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến

414	1.012695.H56	983/QĐ-UBND		Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
415	2.002396.000.00.00.H56	2511/QĐ-UBND		Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
416	1.010945.000.00.00.H56	2739/QĐ-UBND		Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
417	2.002501.000.00.00.H56	2739/QĐ-UBND		Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
418	1.010940.000.00.00.H56	2168/QĐ-UBND		Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
419	2.002483.000.00.00.H56	2280/QĐ-UBND		Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
420	2.002487	2638/QĐ-UBND		Hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
421	2.002401.000.00.00.H56	454/QĐ-UBND		Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
422	2.002409.000.00.00.H56	2511/QĐ-UBND		Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
423	2.002403.000.00.00.H56	454/QĐ-UBND		Thủ tục thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
424	2.002402.000.00.00.H56	454/QĐ-UBND		Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
425	2.002400.000.00.00.H56	454/QĐ-UBND		Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
426	2.002284.000.00.00.H56	2236/QĐ-UBND		Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LD06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
427	2.000477.000.00.00.H56	2227/QĐ-UBND		Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
428	2.001023.000.00.00.H56	3212/QĐ-UBND		Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
429	2.000986.000.00.00.H56	3212/QĐ-UBND		Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
430	2.000992.000.00.00.H56	2194/QĐ-UBND		Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
431	1.007922	1407/QĐ-UBND		Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giới cấp xã	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
432	1.007921	1407/QĐ-UBND		Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Đơn vị tổ chức phong trào giới cấp huyện	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
433	1.007064	5012/QĐ-UBND		Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa.	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến